PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH - BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ TÀI CHÍNH - BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 120/2014/TTLT-BTC-BKHCN	*Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2014*

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn quản lý tài chính đối với
Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Thực hiện Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia;

Thực hiện Quyết định số 1051/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Điều lệ về Tổ chức và hoạt động của Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia;

Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn quản lý tài chính đối với Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia như sau:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn quản lý tài chính đối với Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia (sau đây gọi tắt là "Quỹ"); không bao gồm việc hướng dẫn quản lý tài chính đối với các hoạt động tín dụng về cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn của Quỹ. Các nội dung hướng dẫn về cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn của Quỹ được thực hiện theo hướng dẫn riêng của liên Bộ Tài chính và Khoa học và Công nghệ.

2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Việt Nam và tham gia quản lý Quỹ.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý tài chính của Quỹ

1. Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, có chức năng cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn, hỗ trợ vốn cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu, chuyển giao, đổi mới và hoàn thiện công nghệ.

2. Quỹ là đơn vị sự nghiệp phục vụ quản lý nhà nước trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, được hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản riêng. Đến thời điểm Quỹ thực hiện chức năng về các hoạt động tín dụng (cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn), liên Bộ Tài chính và Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, xem xét và thống nhất các nội dung liên quan đến mô hình tổ chức tài chính nhà nước của Quỹ theo đúng quy định tại Điều 2 Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia.

3. Quỹ thực hiện nghĩa vụ thuế và được hưởng chính sách ưu đãi về thuế đối với các hoạt động tài chính của Quỹ trong lĩnh vực chuyển giao, đổi mới và hoàn thiện công nghệ theo quy định của các Luật thuế và các văn bản pháp luật hiện hành.

4. Quỹ được tự chủ về tài chính theo quy định đối với tổ chức tài chính nhà nước và thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

1. Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản đúng mục đích, hiệu quả phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động của Quỹ; hàng năm hướng dẫn, kiểm tra, xem xét và phê duyệt dự toán, quyết toán nguồn ngân sách nhà nước, hoạt động thu, chi tài chính hàng năm của Quỹ và tổng hợp trong báo cáo quyết toán hàng năm của Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định hiện hành.

3. Quỹ chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Chương II
QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ VỐN

Điều 4. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

1. Vốn từ ngân sách nhà nước

a) Vốn điều lệ của Quỹ là 1.000.000.000.000 đồng (một nghìn tỷ đồng) do ngân sách nhà nước về hoạt động khoa học, công nghệ cấp. Quỹ được cấp vốn bổ sung hàng năm từ ngân sách nhà nước để đạt tổng mức vốn điều lệ của Quỹ.

Căn cứ tình hình hoạt động cụ thể của Quỹ, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định tăng vốn điều lệ của Quỹ sau khi thống nhất với Bộ Tài chính.

b) Quỹ được sử dụng đến 50% vốn ngân sách nhà nước cấp để thực hiện các hình thức hỗ trợ lãi suất vay, cho vay ưu đãi, bảo lãnh để vay vốn.

2. Vốn khác:

a) Vốn huy động từ các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước;

b) Vốn đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

c) Lãi cho vay từ các dự án vay vốn của Quỹ;

d) Các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 5. Nguyên tắc sử dụng và bố trí vốn cho Quỹ

1. Vốn của Quỹ được sử dụng để tài trợ, cho vay đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, quy định tại Thông tư này và đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích.

2. Nội dung của nhiệm vụ, dự án khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ không được trùng lặp với các nhiệm vụ, dự án đã hoặc đang thực hiện bằng nguồn vốn của Quỹ hoặc nguồn vốn khác của Nhà nước.

3. Quỹ được sử dụng nguồn vốn điều lệ được cấp trong thời gian nhàn rỗi, chưa sử dụng tài trợ, cho vay để gửi tại các ngân hàng thương mại nhằm mục đích bảo toàn và phát triển vốn cho Quỹ nhưng phải đảm bảo an toàn.

4. Hàng năm, Quỹ thực hiện cân đối nguồn vốn và nhu cầu vốn, thực hiện kế hoạch hóa các nguồn vốn:

a) Quỹ chủ động vận động và tiếp nhận các nguồn vốn ngoài ngân sách và nguồn vốn khác theo quy định của Quỹ và các quy định có liên quan của Nhà nước;

b) Quỹ thực hiện cân đối nguồn vốn và nhu cầu vốn ngân sách nhà nước cấp để tổng hợp chung trong dự toán ngân sách nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

5. Quỹ mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và mở tài khoản giao dịch tại các ngân hàng thương mại theo quy định. Quỹ được bố trí và cấp vốn bổ sung hàng năm từ ngân sách nhà nước để đạt tổng mức vốn điều lệ của Quỹ theo dự toán ngân sách nhà nước, các quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách nhà nước.

6. Đối tượng chi, nội dung chi, mức chi từ nguồn ngân sách nhà nước được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành và các quy định tại Thông tư này.

7. Vốn hoạt động và tài sản của Quỹ phải được sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả theo các phương thức tài trợ của Quỹ. Việc giám sát, kiểm tra, thanh tra việc sử dụng vốn và tài sản của Quỹ được thực hiện theo các quy định hiện hành về chi ngân sách nhà nước.

8. Quỹ được phép chuyển vốn dư trong năm tài chính sang năm tài chính kế tiếp.

Điều 6. Lập và phê duyệt kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ

1. Hàng năm vào thời điểm xây dựng dự toán Giám đốc Quỹ lập kế hoạch tài chính của Quỹ bao gồm các nội dung:

a) Dự kiến số dư nguồn vốn Ngân sách Nhà nước, kế hoạch thu hồi vốn cho vay, thu hồi lãi vay, dự kiến kế hoạch huy động từ các nguồn khác;

b) Kế hoạch tài trợ, cho vay, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn từ nguồn vốn Ngân sách nhà nước và ngoài nguồn vốn Ngân sách nhà nước;

c) Kế hoạch chi thường xuyên của bộ máy quản lý Quỹ;

d) Kế hoạch bổ sung vốn từ Ngân sách nhà nước.

2. Giám đốc Quỹ gửi kế hoạch tài chính của Quỹ cho Ban Kiểm soát, Hội đồng quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ thẩm định, thông qua và gửi Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước gửi Bộ Tài chính theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3. Nhà nước bố trí và cấp phát vốn ngân sách cấp hàng năm cho Quỹ đảm bảo theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

4. Giám đốc Quỹ lập báo cáo quyết toán tài chính của Quỹ gửi Ban kiểm soát, Hội đồng quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ thẩm định và gửi Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt để gửi Bộ Tài chính theo đúng quy định quản lý tài chính.

Chương III
QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI TRỢ CỦA QUỸ

Điều 7. Tài trợ cho các dự án nghiên cứu phát triển công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, công nghệ cao của doanh nghiệp; sản xuất thử nghiệm sản phẩm mới; chuyển giao, hoàn thiện, sáng tạo công nghệ để sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, sản phẩm quốc gia

Quỹ thực hiện tài trợ cho việc thực hiện các dự án nghiên cứu phát triển công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, công nghệ cao của doanh nghiệp; sản xuất thử nghiệm sản phẩm mới; chuyển giao, hoàn thiện, sáng tạo công nghệ để sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, sản phẩm quốc gia do các tổ chức, cá nhân đề xuất, bao gồm:

1. Tài trợ tối đa 100% tổng kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học; quyền sở hữu, quyền sử dụng công nghệ; quyền đối với giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, tài liệu kỹ thuật, thông tin sở hữu trí tuệ; sản phẩm mẫu để phân tích và giải mã công nghệ theo hợp đồng đã ký kết; tìm kiếm thông tin về công nghệ, bí quyết công nghệ; thuê chuyên gia tư vấn trong nước và nước ngoài.

2. Tài trợ kinh phí thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm theo Thông tư số 22/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 21 tháng 02 năm 2011 của liên Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

3. Tài trợ tối đa đến 50% công lao động cho cán bộ khoa học, nhân viên kỹ thuật trực tiếp thực hiện nội dung xây dựng các phần mềm máy tính; thử nghiệm, phân tích, kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm đến khi hoàn thành sản phẩm lô số không.

4. Tài trợ tối đa đến 30% kinh phí mua vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, thiết bị đo kiểm, phân tích trong quá trình thử nghiệm và sản xuất sản phẩm lô số không của dây chuyền công nghệ. Đối với các Dự án trong lĩnh vực nông nghiệp triển khai trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục các tổ chức hành chính thuộc vùng khó khăn và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) tài trợ tối đa đến 70% kinh phí.

5. Tài trợ tối đa 30% tổng kinh phí của hợp đồng chuyển giao công nghệ cho các nội dung trong hợp đồng có liên quan đến:

a) Sáng chế, quyền sở hữu công nghiệp, thông tin, bí quyết kỹ thuật;

b) Kiến thức kỹ thuật về công nghệ được chuyển giao dưới dạng phương án công nghệ, quy trình công nghệ, giải pháp kỹ thuật, công thức, thông số kỹ thuật, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật, chương trình máy tính, thông tin dữ liệu;

c) Giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ;

d) Mua sắm, nhập khẩu máy móc thiết bị chuyên dụng trong nước chưa sản xuất được phục vụ cho chuyển giao công nghệ;

đ) Chuyên gia tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo.

Đối với dự án chuyển giao công nghệ phục vụ cho bảo vệ sức khỏe con người và phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, dự án chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp triển khai trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục các tổ chức hành chính thuộc vùng khó khăn và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) được tài trợ tối đa đến 70% tổng kinh phí hợp đồng chuyển giao công nghệ.

6. Tài trợ cho sản xuất thử nghiệm, hợp đồng chuyển giao công nghệ đối với dự án chuyển giao, hoàn thiện, sáng tạo công nghệ để sản xuất sản phẩm sản phẩm quốc gia và dự án nghiên cứu phát triển công nghệ cao của doanh nghiệp. Nội dung và định mức hỗ trợ được vận dụng theo các quy định tại Thông tư liên tịch số 218/2012/TTLT-BTC-BKHCN ngày 20 tháng 12 năm 2012 và Thông tư liên tịch số 219/2012/TTLT-BTC-BKHCN ngày 20 tháng 12 năm 2012 của liên Bộ Tài chính và Khoa học và Công nghệ quy định quản lý tài chính đối với Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 và Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020.

7. Tài trợ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các tổ chức, cá nhân liên quan đến tiêu chuẩn, sở hữu trí tuệ. Nội dung và định mức hỗ trợ được vận dụng theo các quy định tại Thông tư liên tịch số 130/TTLT-BTC-BKHCN ngày 16 tháng 9 năm 2011 của liên Bộ Tài chính và Khoa học và Công nghệ quy định chế độ quản lý tài chính đối với các nhiệm vụ thuộc Chương trình quốc gia "Nâng cao năng suất chất lượng hàng hóa, sản phẩm của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020" và Thông tư số 112/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 12 tháng 8 năm 2011 của liên Bộ Tài chính và Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính đối với Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 8. Tài trợ dự án ươm tạo công nghệ

1. Đối với các dự án ươm tạo công nghệ, Quỹ tài trợ cho các nội dung theo quy định tại Khoản 1, Khoản 5, Khoản 7 Điều 7 Thông tư này.

2. Tài trợ tối đa 100% tổng kinh phí thuê chuyên gia tư vấn, đào tạo cán bộ quản lý dự án, quản lý công nghệ, quản trị công nghệ, chiến lược thị trường, thuê địa điểm, thông tin liên lạc trong thời hạn tối đa là 3 năm.

Điều 9. Tài trợ các đề tài nghiên cứu lập dự án nghiên cứu tiền khả thi, dự án khả thi cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân; đề tài nghiên cứu về tìm kiếm, giải mã công nghệ, khai thác sáng chế, cải tiến kỹ thuật cho phát triển công nghệ mới, công nghệ tiên tiến

Quỹ thực hiện tài trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các đề tài nghiên cứu lập dự án nghiên cứu tiền khả thi, dự án khả thi cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân; đề tài nghiên cứu về tìm kiếm, giải mã công nghệ, khai thác sáng chế, cải tiến kỹ thuật cho phát triển công nghệ mới, công nghệ tiên tiến

Điều 10. Tài trợ dự án nhân rộng, phổ biến, giới thiệu và chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ở khu vực nông thôn, miền núi

1. Tài trợ tối đa 100% tổng kinh phí cho việc tìm kiếm, phát hiện, đánh giá sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông

nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ở khu vực nông thôn, miền núi; nghiên cứu hoàn thiện sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, tiến bộ khoa học và công nghệ; xây dựng mô hình và đánh giá mô hình; các hoạt động cho xây dựng báo cáo nghiên cứu dự án tiền khả thi và khả thi; thuê chuyên gia, tổ chức đào tạo ngắn hạn và đào tạo tại chỗ trong việc áp dụng sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, tiến bộ khoa học và công nghệ.

2. Các tài trợ khác áp dụng Thông tư số 101/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 08 tháng 7 năm 2011 về hướng dẫn quản lý tài chính đối với Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi.

Điều 11. Tài trợ dự án đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ phục vụ việc chuyển giao, ứng dụng công nghệ trong doanh nghiệp:

1. Đối với việc tổ chức các khóa học ngắn hạn về chuyển giao, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới, công nghệ tiên tiến được tiến hành chung cho các doanh nghiệp:

a) Tài trợ tối đa 100% thuê chuyên gia tư vấn xây dựng giáo trình, mua giáo trình, chi phí biên soạn giáo trình, phần mềm, thuê hoặc mua trang thiết bị đào tạo (trong trường hợp không thuê được), thuê chuyên gia đào tạo giáo viên giảng dạy, chi phí đào tạo các giáo viên giảng dạy các khóa đào tạo ngắn hạn về chuyển giao, ứng dụng công nghệ cho doanh nghiệp;

b) Tài trợ 50% chi phí đào tạo học viên tham dự các khóa học ngắn hạn về chuyển giao, ứng dụng công nghệ cho doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục các tổ chức hành chính thuộc vùng khó khăn và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có), doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ sức khỏe con người, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh được hỗ trợ tối đa đến 70%.

2. Đối với việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyển giao, ứng dụng công nghệ cụ thể cho doanh nghiệp:

a) Tài trợ tối đa 50% tổng kinh phí thuê chuyên gia đào tạo, chí phí ăn ở, đi lại, thuê trang thiết bị đào tạo và soạn giáo trình. Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục các tổ chức hành chính thuộc vùng khó khăn và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có), doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ sức khỏe con người, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh được hỗ trợ tối đa đến 70%;

b) Tài trợ tối đa 50% chi phí đào tạo học viên tham dự các khóa học ngắn hạn. Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục các tổ chức hành chính thuộc vùng khó khăn và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có), doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ sức khỏe con người, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh được hỗ trợ tối đa đến 70%.

Điều 12. Quản lý và lập kế hoạch tài trợ

1. Căn cứ quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức các Hội đồng khoa học và công nghệ, chuyên gia tư vấn độc lập để xét chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tài trợ và trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định tài trợ, mức tài trợ, mức thu hồi đối với từng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cụ thể.

2. Trong quá trình thực hiện, Hội đồng quản lý Quỹ được quyền điều chỉnh mức vốn tài trợ, hỗ trợ để phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo tính hiệu quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Việc tài trợ phải được thực hiện đúng đối tượng, vốn tài trợ phải được sử dụng đúng mục đích và phải được giải ngân theo tiến độ thực hiện của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Hàng năm, căn cứ kế hoạch vốn và nhu cầu tài trợ của các đối tượng, Cơ quan điều hành Quỹ lập kế hoạch tài trợ cho các đối tượng theo quy định. Kế hoạch tài trợ hàng năm phải được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt và báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

Chương IV
QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CỦA QUỸ

Điều 13. Nguồn kinh phí hoạt động của bộ máy Quỹ

Nguồn kinh phí cho các hoạt động của bộ máy Quỹ bao gồm:

1. Nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp để sử dụng theo hình thức hỗ trợ vốn của Quỹ.

2. Lãi từ hoạt động cho vay của Quỹ và lãi tiền gửi.

3. Thu nhập từ hoạt động nghiệp vụ khác:

a) Các hoạt động hợp tác với tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Quỹ;

b) Thanh lý, nhượng bán tài sản của Quỹ (sau khi trừ giá trị còn lại và các khoản chi phí thanh lý, nhượng bán);

c) Chênh lệch do đánh giá lại tài sản thế chấp khi đơn vị, cá nhân chủ trì dự án không trả được nợ;

d) Tài sản hình thành từ vốn ngoài ngân sách và vốn khác của Quỹ;

đ) Thu nợ đã xóa nay thu hồi được;

e) Các khoản thu nhập hợp pháp khác.

Điều 14. Nội dung chi hoạt động của Quỹ

1. Chi cho hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Chi tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất của Hội đồng quản lý Quỹ;

b) Chi tổ chức các đoàn công tác kiểm tra, giám sát, tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả hoạt động của Quỹ; chi tìm kiếm, xác định nhiệm vụ nghiệp vụ của Quỹ;

c) Chi tiền công theo tháng đối với các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ;

d) Chi thông tin liên lạc, văn phòng phẩm; Chi thuê phương tiện phục vụ công tác, công tác phí;

đ) Chi đoàn ra, đoàn vào;

e) Các khoản chi khác.

2. Chi cho Ban kiểm soát:

a) Chi tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát;

b) Chi thù lao trách nhiệm của Ban kiểm soát;

c) Chi thông tin liên lạc, văn phòng phẩm; chi thuê phương tiện phục vụ công tác, công tác phí;

d) Các khoản chi khác.

3. Chi cho hoạt động của Quỹ:

a) Tiền lương, tiền công và các khoản chi theo lương của cán bộ, nhân viên Quỹ;

b) Chi tìm kiếm, xác định, xét chọn, thẩm định các nhiệm vụ tài trợ và các nhiệm vụ được cho vay, bảo lãnh để vay vốn; kiểm tra, kiểm toán độc lập, giám sát, đánh giá nghiệm thu, thanh lý nhiệm vụ;

c) Chi công tác phí, hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế, tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết hoạt động của Quỹ, biên soạn và in ấn sách chuyên khảo, tài liệu của Quỹ;

d) Chi tổ chức các hội đồng khoa học, hoạt động của các chuyên gia tư vấn độc lập cho tìm kiếm, xác định, xét chọn các nhiệm vụ, dự án của Quỹ;

đ) Chi mua tài liệu, tư liệu, thông tin tuyên truyền, quảng bá, xây dựng và duy trì trang Web phục vụ cho các hoạt động của Quỹ;

e) Chi tôn vinh, thông tin tuyên truyền phổ biến nhân rộng bài học kinh nghiệm của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân điển hình thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Quỹ;

g) Chi xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên gia công nghệ, nhu cầu và nguồn cung công nghệ, sáng chế hỗ trợ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Quỹ, phục vụ đổi mới công nghệ của doanh nghiệp;

h) Chi tiền thuê trụ sở làm việc (nếu có), điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm cho hoạt động của Quỹ;

i) Chi xăng xe, thuê phương tiện;

k) Chi mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị;

l) Chi đoàn ra, đoàn vào;

m) Chi thu hồi nợ vay và lãi vay từ nguồn vốn của Quỹ;

n) Các khoản chi khác.

4. Mức chi

a) Mức chi tiền công theo tháng của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ:

- Chủ tịch: 5.000.000 đồng/tháng;
- Phó chủ tịch: 4.500.000 đồng/tháng;
- Thành viên: 4.000.000 đồng/tháng.

b) Mức thù lao trách nhiệm của Ban kiểm soát:

- Trưởng ban: 1.000.000 đồng/tháng;
- Thành viên: 800.000 đồng/tháng.

c) Lương và phụ cấp đối với cán bộ, nhân viên, cộng tác viên của cơ quan điều hành Quỹ được thực hiện như sau:

Cán bộ, nhân viên của Quỹ được hưởng lương, thưởng, phúc lợi và các chế độ khác theo quy định như đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Đến thời điểm Quỹ thực hiện cơ chế quản lý tài chính liên quan đến hoạt động tín dụng về cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn, liên Bộ Tài chính và Khoa học và Công nghệ xem xét, nghiên cứu và thống nhất hướng dẫn cơ chế chi trả lương, thưởng, phúc lợi và các chế độ khác của cán bộ, nhân viên của Quỹ như đối với hoạt động của Ngân hàng phát triển Việt Nam theo đúng quy định

tại Điều 16 Điều lệ Quỹ ban hành kèm theo Quyết định số 1051/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia.

d) Các nội dung chi còn lại quy định tại Điều 14 của Thông tư này được vận dụng theo các quy định hiện hành về chế độ chi tiêu ngân sách nhà nước. Đối với một số nội dung chi, mức chi chưa được ban hành trong các quy định hiện hành, căn cứ vào tình hình triển khai thực tế, Hội đồng quản lý Quỹ đề xuất, Bộ Tài chính và Bộ Khoa học xem xét, thống nhất quyết định.

Điều 15. Chế độ tài chính của Quỹ

1. Quỹ được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên như đối với đơn vị sự nghiệp theo đúng quy định hiện hành. Trong 03 năm đầu, khi nguồn thu lãi vốn cho vay và các nguồn thu hợp pháp của Quỹ chưa có để chi hoạt động của Quỹ, Giám đốc Quỹ lập dự toán trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định về kinh phí hoạt động của Quỹ sau khi thống nhất ý kiến với Bộ Tài chính.

2. Quỹ được tự chủ kinh phí chi thường xuyên theo phương án tự chủ được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt, bao gồm:

a) Quỹ lương, các khoản có tính chất lương và hoạt động bộ máy;

b) Chi hoạt động bộ máy bổ sung từ nguồn thu hoạt động tài chính;

c) Chi Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát;

d) Chi phí tìm kiếm, xét chọn, đánh giá, thẩm định, kiểm tra, nghiệm thu;

đ) Chi công bố thông tin, tuyên truyền quảng bá hoạt động của Quỹ, chi mua, dịch tài liệu, thuê bao đường truyền internet, thu thập thông tin.

3. Căn cứ kế hoạch tài chính hàng năm được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt và các khoản thu hợp pháp của Quỹ, Quỹ được áp dụng quy định tự chủ về biên chế và tài chính theo chế độ hiện hành.

4. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm xây dựng quy chế, định mức chi tiêu nội bộ phù hợp với các quy định của nhà nước trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt làm căn cứ thực hiện, quyết định việc chi tiêu và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Quỹ phải gửi quy chế chi tiêu nội bộ cho cơ quan quản lý cấp trên để theo dõi quản lý đồng thời gửi cho Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện kiểm soát chi theo quy định.

Điều 16. Quản lý và sử dụng tài sản

Việc mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại Quỹ được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành áp dụng.

Điều 17. Phân phối thu nhập và sử dụng các quỹ

1. Phân phối thu nhập

Chênh lệch thu, chi tài chính hàng năm của Quỹ được phân phối như sau:

a) Trích 25% vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;

b) Trích trả thu nhập tăng thêm cho người lao động, trích quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập áp dụng như đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Số còn lại sau khi trích lập các quỹ trên sẽ được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

2. Mục đích sử dụng các quỹ

a) Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp được sử dụng để đầu tư, mua sắm tài sản, đổi mới công nghệ, trang thiết bị, điều kiện làm việc và các nội dung khác theo quy định.

b) Quỹ khen thưởng dùng để: thưởng cho những cá nhân, tập thể của Quỹ và ngoài Quỹ có thành tích hoạt động cho Quỹ.

c) Quỹ dự phòng ổn định thu nhập để bảo đảm thu nhập cho người lao động.

d) Quỹ phúc lợi dùng để: đầu tư, góp vốn đầu tư xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi của Quỹ, chi cho các hoạt động thể thao, văn hóa, phúc lợi công cộng của tập thể cán bộ, viên chức của Quỹ; chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ viên chức của Quỹ; đóng góp cho Quỹ phúc lợi xã hội và chi các hoạt động phúc lợi khác.

3. Giám đốc Quỹ phối hợp với Ban chấp hành công đoàn Quỹ để quản lý, sử dụng các quỹ khen thưởng và phúc lợi nêu trên.

Chương V
CÔNG TÁC KẾ TOÁN, THỐNG KÊ, QUYẾT TOÁN

Điều 18. Công tác thống kê, kế toán và quyết toán

1. Quỹ tổ chức thực hiện công tác thống kê theo quy định của Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Thống kê;

2. Quỹ tổ chức thực hiện công tác kế toán theo quy định của Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm.

3. Định kỳ hàng năm Quỹ lập và nộp báo cáo tài chính cho Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính. Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm tra, xét duyệt quyết

toán của Quỹ theo quy định hiện hành và tổng hợp vào báo cáo quyết toán năm của Bộ Khoa học và Công nghệ gửi Bộ Tài chính.

Điều 19. Kiểm tra tài chính

1. Hàng năm Quỹ thực hiện tự kiểm tra tài chính kế toán theo "Quy chế tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan đơn vị có sử dụng Ngân sách Nhà nước" ban hành theo Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Quỹ thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật và chịu sự kiểm tra tài chính của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập. Hàng năm, Trưởng Ban Kiểm soát của Quỹ trình Hội đồng quản lý kế hoạch kiểm toán Báo cáo tài chính của Quỹ.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2014.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu thực hiện trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, tổ chức, cá nhân phản ánh, báo cáo về Bộ Khoa học và Công nghệ để Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính để phối hợp nghiên cứu, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** **THỨ TRƯỞNG**	**KT. BỘ TRƯỞNG** **BỘ TÀI CHÍNH** **THỨ TRƯỞNG**
Trần Quốc Khánh	**Trương Chí Trung**